

Số: 12/2022/QĐST-DS

Mỏ Cày Nam, ngày 22 tháng 02 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 31/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1) *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TA**, địa chỉ: phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

+ Ông **Đào Gia L** - Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân Ngân hàng A - Chi nhánh B, địa chỉ: phường K, thành phố L, tỉnh Bến Tre.

+ Bà **Đỗ Thị Thành Q** - Phó phòng giám sát nợ Ngân hàng A; địa chỉ: Phường O, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2) *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hùng M** - Sinh năm: 1986, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H** - Sinh năm: 1966, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.3) *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- + Bà **Huỳnh Thị B** - Sinh năm: 1946;
- + Ông **Nguyễn Văn A** - Sinh năm: 1943;
- + Ông **Nguyễn Văn H** - Sinh năm: 1966;
- + Ông **Nguyễn Văn T** - Sinh năm: 1972;
- + Ông **Nguyễn Minh H** - Sinh năm: 1981;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B, ông A, ông T, ông H: Ông **Nguyễn Văn H** - Sinh năm: 1966, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1) Ông Nguyễn Hùng M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số nợ gốc là 493.163.067đồng (bốn trăm chín mươi ba triệu một trăm sáu mươi ba ngàn không trăm sáu mươi bảy đồng) và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 11/02/2022 là 180.899.402đồng (một trăm tám mươi triệu tám trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm lẻ hai đồng). Kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2022 cho đến khi trả hết nợ, ông Nguyễn Hùng M phải trả tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0112/2016/HĐTDHM-CN/225 ngày 04 tháng 4 năm 2016 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số: 0112/2016/HĐTDHM-CN/225PL-01 ngày 06 tháng 01 năm 2017 được ký kết giữa Ngân hàng A - Chi nhánh B với ông Nguyễn Hùng M.

2.2) Ông Nguyễn Hùng M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số nợ gốc là 850.000.000đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 15.611.667đồng (mười lăm triệu sáu trăm mười một ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 11/02/2022 là 284.180.980đồng (hai trăm tám mươi bốn triệu một trăm tám mươi ngàn chín trăm tám mươi đồng). Kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2022 cho đến khi trả hết nợ, ông Nguyễn Hùng M phải trả tiền lãi quá hạn theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 0112/2016/HĐTDHM-CN/225 ngày 04 tháng 4 năm 2016 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số: 0112/2016/HĐTDHM-CN/225PL-01 ngày 06 tháng 01 năm 2017 được ký kết giữa Ngân hàng A - Chi nhánh B với ông Nguyễn Hùng M.

2.3) Trường hợp ông Nguyễn Hùng M không trả hết được các khoản tiền cho Ngân hàng A thì xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (cây trồng, nhà, công trình phụ, chuồng trại,...) đối với phần đất thuộc các thửa: 338, 454, 455, 456, 457, 327, 306, 328, 323 cùng tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã B, huyện

C, tỉnh Bến Tre (chín giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà Huỳnh Thị B và hộ bà Huỳnh Thị B) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0104/2016/HĐBĐ-225 ngày 04/4/2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng ngày 06/01/2017, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0105/2016/HĐBĐ-225 ngày 04/4/2016 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1584/17/HĐBĐ-225 ngày 06/11/2017. Trong đó:

Thửa đất số 338, tờ bản đồ số 12, có diện tích 1832,5m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị B ngày 06/5/2015, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: A;

Thửa đất số 454, tờ bản đồ số 12, có diện tích 1854,8m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị B ngày 14/02/2015, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: B;

Thửa đất số 455, tờ bản đồ số 12, có diện tích 2104,4m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị B ngày 14/02/2015, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: C;

Thửa đất số 456, tờ bản đồ số 12, có diện tích 1066,4m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Thị B ngày 14/02/2015, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: D;

Thửa đất số 457, tờ bản đồ số 12, có diện tích 2290,2m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Thị B ngày 14/02/2015, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: E;

Thửa đất số 327, tờ bản đồ số 12, có diện tích 2171,4m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị B ngày 22/9/2015, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: G;

Thửa đất số 306, tờ bản đồ số 12, có diện tích 511,4m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị B ngày 06/5/2015, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H;

Thửa đất số 328, tờ bản đồ số 12, có diện tích 2421,9m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị B ngày 14/02/2015, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: I;

Thửa đất số 323, tờ bản đồ số 12, có diện tích 897,8m², tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre, do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị B ngày 06/5/2015, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: K.

2.4) Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.4.1. Ông Nguyễn Hùng M nhận chịu 33.358.000đồng (ba mươi ba triệu ba trăm năm mươi tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông Nguyễn Hùng M được giảm 8.339.500đồng (tám triệu ba trăm ba mươi chín ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, như vậy ông Nguyễn Hùng M còn phải nộp 25.018.500đồng (hai mươi lăm triệu không trăm mười tám ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.4.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 29.436.000đồng (hai mươi chín triệu bốn trăm ba mươi sáu ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005885 ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện C;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyễn

